



*\* Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T: Ông **Chế Giang S** – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án. Có mặt.*

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Võ Đại Y và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo Võ Đại Y kháng cáo nhưng trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo Võ Đại Y đã rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo, những người khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Lúc 20 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, tại Trụ sở Công an phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Thanh T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy, bắt quả tang đối với Võ Đại Y, về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy.

#### **\* Tang vật thu giữ:**

*\*Thu giữ của Lê Thanh T:*

1/ 01 (một) hộp giấy kích thước khoảng (7x11x18)cm bên trong có gói màu vàng có dòng chữ “Guan Yin Wang” chứa 01 (một) gói ni lông màu trắng chứa tinh thể rắn màu trắng. Được niêm phong ký hiệu A1.

2/ 01 (một) gói nilon kích thước khoảng (4x6cm bên trong có chứa 2,5 viên nén màu xanh. Được niêm phong ký hiệu A2.

3/ 01 (một) xe ô tô BKS 43A – 540.06, đứng tên chủ sở hữu Lê Văn Đ (sinh năm 1975, trú tại: Tổ 68 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) – anh ruột của Lê Thanh T. Ông Đ không biết T mượn để xe sử dụng vào việc đi nhận ma túy. Vì vậy, Cơ quan CSĐT đã tiến hành trả xe ô tô trên cho ông Lê Văn Đ.

4/ 01 (một) ĐTDĐ màu đen có dòng chữ NOKIA, gắn sim số 0775440042.

5/ 01 (một) ĐTDĐ màu đen có dòng chữ IPHONE, gắn sim số 0775400641.

6/ 01 (một) túi giấy màu xanh + vàng có dòng chữ “Danisa”.

7/ 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

*\* Thu giữ của Võ Đại Y:*

1/ 01 (một) giấy phép lái xe số 460146010659 cấp cho Võ Đại Y.

2/ 01 (một) ĐTDĐ màu đen có dòng chữ NOKIA, có lắp sim số 0848499167 và 0704469352.

3/ 01 (một) ĐTDĐ màu trắng IMEL: 354849095560423, gắn sim số 0376886111.

4/ 67.500.000đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Lúc 22 giờ 00 phút ngày 19/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Thanh T tại quận C, Đà Nẵng thu giữ:

1/ 01 (một) bao ni lông màu trắng kích thước khoảng (18x11) cm bên trong có chứa: 05 (năm) bao ni lông bên trong mỗi gói có chứa 50 (năm mươi) viên nén màu xanh có lô ghi “heineken” và 01 (một) bao ni lông có chứa 15 (mười lăm) viên nén màu xanh có lô ghi “heniken”. Được niêm phong theo quy định của pháp luật ký hiệu B1.

2/ 01 (một) cân điện tử màu đen.

3/ 50 (năm mươi) bao ni lông kích thước khoảng (6x5) cm chưa qua sử dụng.

4/ 01 (một) khẩu súng bằng kim loại và nhựa màu đen + bạc hiệu: ZORAKI M906 – TD có số 000222 và 01 (một) hộp tiếp đạn có chứa 03 (ba) viên đạn bằng kim loại. Được niêm phong theo quy định pháp luật, ký hiệu B2.

**\* Tại kết luận giám định số: 91/GĐ-MT ngày 27/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:**

- Tinh thể rắn màu trắng, niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu A1: 997,50 gam.

- Viên nén màu xanh niêm phong ký hiệu A2 và B1 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu A2; 1,041 gam, B1: 105,726 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là **1.104,267 gam**. Trong đó: Methamphetamine là 997,50 gam và MDMA là 106,767 gam.

**\* Tại kết luận giám định số: 15/GĐ-VK ngày 14/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:**

- Khẩu súng gửi giám định không phải là vũ khí quân dụng. Khẩu súng gửi giám định là công cụ hỗ trợ.

- 03 (ba) viên đạn gửi giám định là loại đạn cao su, là công cụ hỗ trợ, sử dụng được với khẩu súng gửi giám định.

### **Qua điều tra xác định:**

Lê Thanh T là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy để sử dụng và có tiền tiêu xài nên Lê Thanh T tham gia vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Nguồn ma túy T mua của D (chưa xác định tên, tuổi, địa chỉ, sống tại tỉnh Thừa Thiên Huế) và Tý (chưa xác định tên, tuổi, địa chỉ). Sau đó, bán lại cho một người tên H (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ). Cụ thể:

**Lần thứ nhất:** Vào khoảng ngày 13/3/2020, H điện thoại cho Lê Thanh T hỏi mua 02 lạng ma túy loại Ketamine, T đồng ý với giá 140.000.000đ và yêu cầu H đưa tiền trước cho T, H đồng ý và gặp T tại đường T, thành phố Đà Nẵng giao tiền cho T. Sau đó, T liên lạc với D đặt mua 02 lạng ma túy loại Ketamine với giá 120.000.000đ và yêu cầu D giao dịch mua bán ma túy tại thành phố Đà Nẵng. D đồng ý và yêu cầu T trả tiền cho người sẽ mang ma túy vào Đà Nẵng. Trong ngày 13/3/2020, Võ Đại Y nhận được điện thoại từ một người tên Long (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) yêu cầu Y vận chuyển ma túy (không nói số lượng cụ thể ma túy là bao nhiêu) từ H vào thành phố Đà Nẵng giao cho một người thanh niên tại Đà Nẵng nhận tiền (không nói số tiền cụ thể) đem về lại đưa cho L và được trả công số tiền là 20.000.000đ. Y đồng ý. L nói Y đến tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy và nhắn tin cho Y số điện thoại của người giao ma túy. Y liên lạc với người giao ma túy (không rõ tên, địa chỉ) và gặp người này tại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy và nhắn tin cho Y số điện thoại của người giao ma túy. Y liên lạc với người giao ma túy (không rõ tên, địa chỉ) và gặp người này tại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy. Sau đó, Y điện thoại lại cho L thông báo đã nhận ma túy thì được L nhắn tin số điện thoại người nhận ma túy tên T tại Đà Nẵng. Khi đến Đà Nẵng, Y điện thoại cho T thống nhất địa điểm giao nhận ma túy tại ngã tư đường Đ và đường L, thành phố Đà Nẵng. Y đến điểm hẹn gặp T giao ma túy và nhận tiền rồi trở lại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế giao tiền cho người giao ma túy cho Y và được trả công số tiền là 20.000.000đ. Số tiền này Y đã tiêu xài hết. T sau khi nhận ma túy và giao tiền cho Y, T liên lạc với H và giao ma túy cho H trên đường T, thành phố Đà Nẵng. Trong lần giao dịch này T hưởng lợi được 20.000.000đ và tiêu dùng cá nhân hết. Toàn bộ số điện thoại của người giao và nhận ma túy trong lần này Y và T không nhớ rõ.

**Lần thứ hai:** Trong ngày 19/3/2020, H điện thoại cho Lê Thanh T hỏi mua 01 kg ma túy đá. T đồng ý bán cho H với giá 260.000.000đ, H đồng ý và hẹn khi nào nhận ma túy thì giao tiền. T đồng ý và điện thoại vào số

0766237340 gặp D hỏi mua 01 kg ma túy đá, D đồng ý bán cho T với giá 220.000.000đ và yêu cầu T trả tiền cho người sẽ mang ma túy vào Đà Nẵng giao cho T, T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 19/3/2020, Võ Đại Y nhận được điện thoại từ số 0787725004 của anh L, yêu cầu Y vận chuyển ma túy từ tỉnh Thừa Thiên Huế vào thành phố Đà Nẵng giao cho một người thanh niên tại Đà Nẵng để nhận số tiền là 220.000.000đ và trả công cho Y số tiền là 10.000.000đ. Y đồng ý. L nói Y đến tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy và nhắn tin cho Y số điện thoại của người giao ma túy. Y liên lạc với người giao ma túy (không rõ tên, địa chỉ) và gặp người này tại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy và nhắn tin cho Y số điện thoại của người giao ma túy là 0355439565 để Y liên lạc. Y đã thuê xe taxi BKS 75A – 109.72 do Tống Quang T điều khiển để chở Y đi nhận ma túy vận chuyển vào thành phố Đà Nẵng (trong quá trình này Y không cho T biết là Y vận chuyển trái phép chất ma túy). Sau đó, Y liên lạc với số 0355439565 gặp và nhận ma túy từ người nam thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) tại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, Y điện thoại lại cho L thông báo đã nhận ma túy thì được người này nhắn tin số điện thoại người nhận ma túy tại Đà Nẵng là 0775440042. Khi đến Đà Nẵng, Y điện thoại vào số 0775440042 và thống nhất địa điểm giao nhận ma túy tại ngã tư đường Đ và đường L, thành phố Đà Nẵng và T sẽ giao trước cho Y số tiền 66.000.000đ và Y sẽ đi đâu đó đợi khi nào có đủ tiền T sẽ liên lạc với Y để giao thêm cho đủ 220.000.000đ. Đến 20 giờ 00 phút ngày 19/3/2020, Y gặp T giao ma túy cho T, T giao trước cho Y số tiền 66.000.000đ như thỏa thuận. Sau khi Y và T thực hiện xong việc giao nhận ma túy, thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang Y và T thu giữ toàn bộ số ma túy nêu trên và số tiền 66.000.000đ cùng một số đồ vật tài sản khác. Số ma túy T mua nhằm mục đích để bán cho H để được hưởng lợi 40.000.000đ.

Ngoài hai lần nêu trên, vào khoảng ngày 19/2/2020, H điện thoại cho T hỏi mua ma túy. Lúc này, T không bán ma túy cho H mà cho số điện thoại của D cho H để H tự liên lạc mua bán ma túy trực tiếp với D, T không biết H đặt mua với số lượng là bao nhiêu. Trong khoảng ngày 19/02/2020, L điện thoại cho Y yêu cầu Y vận chuyển 01 kg ma túy đá và 01 lạng ma túy Ketamine từ Huế vào thành phố Đà Nẵng giao cho một người thanh niên tại Đà Nẵng nhận số tiền 270.000.000đ đem về đưa lại cho L và được trả công số tiền là 20.000.000đ, Y đồng ý, L nói Y đến đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy và nhắn tin cho Y số điện thoại của người giao ma túy. Y liên lạc với người giao

ma túy (không rõ tên và địa chỉ) và gặp người này tại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận ma túy. Sau đó, Y điện thoại lại cho L thông báo đã nhận ma túy và được người này nhắn tin số điện thoại người nhận ma túy ở Đà Nẵng. Khi đến Đà Nẵng, Y điện thoại cho người nhận ma túy (không rõ tên, địa chỉ) thống nhất địa điểm giao nhận ma túy tại chân đèo Hải Vân, thành phố Đà Nẵng. Y đến điểm hẹn gặp người nhận ma túy để giao ma túy và nhận tiền sau đó trở về lại đường tỉnh lộ 10, tỉnh Thừa Thiên Huế giao tiền cho người giao ma túy cho Y và được trả công số tiền là 20.000.000đ. Số tiền này Y đã tiêu xài hết.

Ngoài ra, ngày 15/3/2020, T điện thoại cho một người tên Tý (chưa xác định tên, tuổi, địa chỉ) hỏi mua 300 viên ma túy loại thuốc lắc. Tý đồng ý bán cho T với giá 200.000đ/viên và hẹn đến trước bến xe trung tâm Đà Nẵng để giao dịch. T đồng ý và đến điểm hẹn gặp Tý giao số tiền là 60.000.000đ và nhận 300 viên ma túy thuốc lắc. Sau khi có ma túy, T đã sử dụng hết 32,5 viên ma túy thuốc lắc, số ma túy còn lại T chưa kịp bán cho người mua thì bị phát hiện thu giữ khi bắt quả tang và khám xét chỗ ở đối với T.

Trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy, Lê Thanh T đã thu lợi được 20.000.000đ; Võ Đại Y thu lợi bất chính 40.000.000đ.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 15/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh T** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

**Xử phạt:** Bị cáo Lê Thanh T **tù chung thân**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 19/3/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thanh T nhưng bị cáo không kháng cáo. Đối với bị cáo Võ Đại Y, sau khi xử sơ thẩm có đơn kháng cáo nhưng ngày 25/01/2021 bị cáo có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Như vậy, phần hình phạt đối với bị cáo Võ Đại Y và các vấn đề khác có liên quan không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật như án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, bị cáo Lê Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4

Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên bị cáo cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo Tù chung thân là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T đúng chủ thể, trong hạn luật định nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo tù chung thân là phù hợp, không nặng. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư Chế Giang Sơn bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo, tuy nhiên cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, tại trụ sở công an phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Thanh T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bắt quả tang Võ Đại Y về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Khoảng 22 giờ ngày 19/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Thanh T tại quận C, thành phố Đà Nẵng, tiếp tục thu giữ thêm số ma túy T cất giữ nhằm mục để bán. Trọng lượng ma túy Võ Đại Y vận chuyển là 997,50 gam Methamphetamine. Tổng trọng lượng ma túy thu giữ của Lê Thanh T là 1.104,267 gam (Trong đó Methammetaphine là 997,50 gam; MDMA là 106,767 gam).

Với hành vi trên tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Lê Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thanh T thì thấy: Đề thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, đồng thời kiếm tiền tiêu xài cá nhân bị cáo Lê Thanh T đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy, đồng thời gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 23/10/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 - thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, ngày 22/7/2018 bị cáo mới chấp hành xong, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng. Lỗi phạm tội này thuộc trường hợp *tái phạm* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;



Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T **tù chung thân** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 19/3/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Tồn**